

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Báo cáo thường niên năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TRUNG LƯƠNG

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường THCS Trung Lương;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai Báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của Trường THCS Trung Lương.

Điều 2. Nội dung công khai gồm:

- Thông tin chung của nhà trường;
- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học;
- Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục;
- Kết quả giáo dục và đào tạo;
- Tình hình tài chính;
- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong năm học 2025-2026.

Điều 3. Hình thức công khai:

- Niêm yết tại bảng tin nhà trường;
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường;
- Thông báo tới cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh.

Điều 4. Thời gian công khai:

- Từ ngày 18 tháng 6 năm 2026 đến khi có Báo cáo thường niên năm học tiếp theo thay thế.

Điều 5. Các bộ phận chuyên môn, tổ chức đoàn thể và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã Bình An
- CB,GV,Nv nhà trường;
- Website của trường
- Lưu: VP,

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Văn Linh

UBND XÃ BÌNH AN
TRƯỜNG THCS TRUNG LƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/BC-THCSTL

Bình An, ngày 18 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2025 - -2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường THCS xã Trung

2. Địa chỉ:

Thôn Đồng Quan, xã Bình An, tỉnh Ninh Bình

Email: thcstrungluong@hanam.edu.vn

Website:

Điện thoại: 0772778182 (Hiệu trưởng)

3. Loại hình, cơ quan quản lý trực tiếp:

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND xã Bình An

Cơ quản quản lý trực tiếp: Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

+ *Tầm nhìn, mục tiêu:*

Là một trong những trường có bề dày truyền thống về chất lượng giáo dục, nhiều năm liền là tập thể lao động tiên tiến xuất sắc, được UBND xã Bình An tặng giấy khen. Nhà trường là nơi giáo viên và học sinh có khát vọng vươn tới trở thành một trong những đạt chuẩn cấp quốc gia; Trong giai đoạn 2020- 2025 tầm nhìn đến 2030 duy trì ổn định quy mô, chất lượng, từng bước cải tiến chất lượng để duy trì nhà trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3; cải thiện môi trường giáo dục.

+ *Sứ mệnh:*

Tạo dựng môi trường học tập chủ động thân thiện, nền nếp kỷ cương, an toàn, chất lượng cao, học sinh được bộc lộ năng lực cá nhân, phát triển năng lực phẩm chất bản thân, tôn trọng sự khác biệt.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Trung Lương được thành lập từ năm 1968 , mang tên là Trường phổ thông cơ sở xã Trung Lương. Năm 1994 thực hiện quyết định của UBND huyện Bình Lục tách trường PTCS thành trường Tiểu học và trường THCS xã Trung Lương. Tháng 7 năm 2025 trường mang tên Trường THCS Trung Lương

Năm 2024 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

Năm học 2025-2026, trường có 10 lớp với 23 cán bộ, giáo viên, công nhân viên và 461 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Đặng Văn Linh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Thôn Đồng Quan, xã Bình An, Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0772778182

7. Tổ chức bộ máy:

- Hội đồng trường: Được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND huyện Bình Lục. Hội đồng trường gồm 09 thành viên: Thành phần hội đồng trường gồm: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

- Hiệu trưởng: Được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu Trưởng trường THCS xã Trung Lương từ ngày 01/9/2023 theo quyết định số: 433/QĐ-UBND ngày 01/09/2023 của UBND huyện Bình Lục.

- Phó Hiệu trưởng: Được bổ nhiệm giữ chức Phó hiệu trưởng trường THCS xã Trung Lương từ ngày 12/10/2023 theo quyết định số: 3393/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện Bình Lục.

- Các tổ chuyên môn: Gồm tổ KHTN và tổ KHXH trong đó Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó được hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm vào đầu năm học.

- Tổ văn phòng có tổ trưởng

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.

1. Chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Môn	Hiện có			Trình độ được đào tạo				Ghi chú
		Tổng số	Viên chức	LĐ HĐ	Trên ĐH	Đại học	CD	TC	
1	Ngữ văn	3	3			2	1		
2	Lịch sử	1	1			1			
3	Địa lí	1	1			1			
4	GDCD	0,5	0,5			0,5			
5	GDTC	1	1			1			
6	Ngoại ngữ	2	2			2			
7	Toán	3	3			3			
8	Tin học	0.5	0.5			0.5			
9	Vật lí	1	1			1			
10	Hóa học	1	1			1			
11	Sinh học	1	1			1			
12	Công nghệ	2	2			2			

13	Âm nhạc	0,5	0,5			0,5			
14	Mĩ thuật	0	0			0			
15	Tổng PTĐ	0.5	0.5			0.5			
Tổng GV		18	18			17	1		
16	Nhân viên	3	3			1	1	1	
17	Lãnh đạo trường	2	2			2			
Toàn trường		23	23			20	2	1	

2.Số lượng tỷ lệ giáo viên chia theo chuẩn nghề nghiệp:

Đối tượng	Tổng số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hiệu trưởng	1							1	100
Phó Hiệu trưởng	1							1	100
Giáo viên	18					13	72,2	5	27,8
Tổng	20					13	65	7	35

3. Số lượng tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

(Bồi dưỡng các modul triển khai chương trình GDPT 2018)

Đối tượng	Tổng số	Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hiệu trưởng	1	1	100%	0	
Phó Hiệu trưởng	1	1	100%	0	
Giáo viên	18	18	100%	0	
Tổng	20	20	100%	0	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT.

1. Tổng diện tích khu đất: 9452 m², bình quân: 20,5 m²/1HS

2. Số lượng các hạng mục công trình

TT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Đạt mức tối thiểu	Chưa đạt	Ghi chú (Đạt ở mức nào, ghi nội dung vào mức đó)

1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	1,5m ² /hs		Chưa đạt	9 phòng, 60 m ² /phòng
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	2,25 m ² /hs		Chưa đạt	01 phòng, 60 m ² /phòng
1.3	Phòng học bộ môn Công nghệ	2,25 m ² /hs		Chưa đạt	01 phòng, 60 m ² /phòng
1.4	Phòng học bộ môn KHTN	1,85 m ² /hs		Chưa đạt	01 phòng, 60 m ² /phòng
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1,85 m ² /hs		Chưa đạt	01 phòng, 60 m ² /phòng
1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,85 m ² /hs		Chưa đạt	02 phòng, 60 m ² /phòng
1.7	Phòng học bộ môn KHXH	1,5 m ² /hs		Chưa đạt	0
1.8	Phòng đa chức năng	1,85 m ² /hs		Chưa đạt	0
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,6m ² /hs;	Đạt		02 phòng, 60m ² /phòng
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng		Chưa đạt	2 phòng, 20m ² /phòng
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m ² /phòng		Chưa đạt	0
2.4	Phòng Đoàn, Đội	0,03m ² /hs	Đạt		1 phòng, 60m ² /phòng
2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	Đạt		1 phòng, 60m ² /phòng
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1,2m ² /người	Đạt		1 phòng, 60m ² /phòng
3.2	Phòng y tế trường học	24m ² /phòng	Đạt		1 phòng, 25 m ² /phòng
3.3	Nhà kho	48m ² /kho		Chưa đạt	0
3.4	Khu để xe học sinh	0,9m ² /xe đạp	Đạt		2 nhà, tổng 250m ²
3.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /hs	Đạt		3 nhà, 40 m ² /nhà
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao		Đạt		
4.1	Sân trường	1,5m ² /hs	Đạt		Diện tích 1000m ²
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /hs	Đạt		Diện tích 600m ²

4.3	Nhà đa năng	890 m ² /nhà	Đạt		
5	Khối phòng hành chính quản trị		Đạt		
5.1	Phòng Hiệu trưởng		Đạt		1 phòng, 20 m ² /phòng
5.2	Phòng Phó Hiệu trưởng		Đạt		1 phòng, 20 m ² /phòng
5.3	Văn phòng		Đạt		1 phòng, 60m ² /phòng
5.4	Phòng bảo vệ		Đạt		1 phòng, 20 m ² /phòng
5.5	Khu vệ sinh của CB-GV-NV		Đạt		4 phòng, 15m ² /phòng
5.6	Khu để xe của CB-GV-NV		Đạt		1 nhà, 40m ²
6	Hạ tầng kỹ thuật		Đạt		
6.1	Hệ thống cấp nước sạch		Đạt		Có
6.2	Hệ thống cấp điện		Đạt		Có
6.3	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc		Đạt		Có
6.4	Khu thu gom rác thải		Đạt		Có

3.Số thiết bị dạy học

I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	4 bộ/ 8lớp
1.1	Khối lớp 6	1	1 bộ/ 2 lớp
1.2	Khối lớp 7	1	1 bộ/ 2 lớp
1.3	Khối lớp 8	1	1 bộ/ 2 lớp
1.4	Khối lớp 9	1	1 bộ/ 2 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15	
III	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	2	

3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	0	

4. Danh mục sách giáo khoa được cấp trên phê duyệt, xuất bản phẩm tham khảo trường lựa chọn.

4.1. Danh mục sách giáo khoa

Lớp 9

STT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Toán 9, Tập 1 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
	Toán 9, Tập 2 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	
2	Khoa học tự nhiên 9 Cánh Diều	Đình Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Oanh, Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Lê Mạnh Cường, Phạm Thùy Giang, Vũ Thị Bích Huyền, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Đức Long, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Đinh Trần Phương, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tươi, Dương Bá Vũ, Ngô Văn Vụ.	Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
3	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phương, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phương, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	
5	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 9 Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hoá, Phạm Thị Lan, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)

STT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
7	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	
8	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục Công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Mỹ thuật 9 Cánh Diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên); Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên); Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
13	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

4.2. Danh mục sách tham khảo

IV.KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

1. Kết quả đánh giá ngoài chu kỳ 2024-2029:

- Trường đạt kiểm định chất lượng **cấp độ III**

- Trường đạt chuẩn quốc gia **mức độ II**

2. Tự đánh giá năm 2026 (chu kỳ 2024 – 2029) thời điểm tháng 6/2026

2.1.Tự đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và Quản lý nhà trường				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	x
Tiêu chí 1.8		X	X	x
Tiêu chí 1.9		X	X	x
Tiêu chí 1.10		X	X	x
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	x
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1		X	X	X

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	x
Tiêu chí 5.4		X	X	x
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Tổng số các tiêu chí đạt:

+ Đạt mức 1: $28/28 = 100\%$

+ Đạt mức 2: $28/28 = 100\%$

+ Đạt mức 3: $20/20 = 100\%$

Kết quả: Đạt Mức 3

2.2. Tự đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả	
	Không đạt	Đạt
Tiêu chí 1	X	
Tiêu chí 2		X
Tiêu chí 3		X
Tiêu chí 4	X	
Tiêu chí 5	X	
Tiêu chí 6	X	

Tổng số các tiêu chí đạt: $2/6 = 33,33\%$

Tổng số các tiêu chí không đạt: $4/6 = 66,67\%$

Kết quả: Không đạt Mức 4

2.3. Kết luận: Trường đạt Mức 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Số lớp số học sinh, số lượng tuyển sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra mỗi lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Thông tin về học sinh					
1	Kết quả tuyển sinh	116	116			
2	Số học sinh theo từng khối	461	116	134	113	98
3	Số học sinh nữ	220	48	63	59	50
4	Học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0
5	Học sinh khuyết tật	2	0	1	0	1
6	Học sinh chuyển trường đi	1			1	

7	Học sinh chuyển trường đến	0				
II	Kết quả rèn luyện học sinh	461	116	134	113	98
	Tốt	436	114	125	107	90
1	(tỷ lệ so với tổng số)	94,58	98,28	93,28	94,69	91,84
	Khá	25	2	9	6	8
2	(tỷ lệ so với tổng số: %)	5,42	1,72	6,72	5,31	8,16
	Đạt	0	0	0	0	0
3	(tỷ lệ so với tổng số: %)	0	0	0	0	0
	Chưa đạt (Yếu)	0	0	0	0	0
4	(tỷ lệ so với tổng số %)	0	0	0	0	0
III	Kết quả học tập	461	116	134	113	98
	Tốt	72	15	28	17	12
1	(tỷ lệ so với tổng số)	15,62	12,93	20,90	15,04	12,24
	Khá	171	39	47	43	42
2	(tỷ lệ so với tổng số)	37,17	33,62	35,07	38,05	43,30
	Đạt	218	61	60	53	44
3	(tỷ lệ so với tổng số)	47,39	52,59	44,78	46,90	45,36
	Chưa đạt	0	0	0	0	0
4	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Tổng hợp kết quả cuối năm	461	116	134	113	98
	Lên lớp	461	116	134	113	98
1	(tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100
	Kiểm tra lại	0	0	0	0	
2	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
	Số học sinh không được lên lớp	0	0	0	0	
3	Tỷ lệ so với tổng số					
V	Số học sinh đạt giải trong các kì thi học sinh giỏi					
1	Cấp xã					
2	Cấp tỉnh/thành phố	11	0	3	1	7
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
VI	Xét tốt nghiệp THCS					
1	Số HS dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	98				98

2	Số HS được công nhận tốt nghiệp	98			98
VII	Phân luồng học sinh sau học THCS				
1	Số học sinh học THPT	62			62
2	Số học sinh học tại trung tâm giáo dục nghề nghiệp	36			36

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ- thcstl ngày 02/02/2026 của HT trường THCS Trung Lương.)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.258.013.000	5.258.013.000	
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.258.013.000	5.258.013.000	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.258.013.000	5.258.013.000	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.850.485.000	4.850.485.000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	407.528.000	407.528.000	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHẬN VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

1.1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

- Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn

Kết quả HSG các cấp:

- + Học sinh giỏi văn hoá cấp tỉnh có 08 em tham gia
- + Học sinh giỏi TDTT: 5 em dự thi đạt 06 giải cấp tỉnh trong đó 01 giải Nhất; 02 giải Nhì và 03 giải khuyến khích
- + Học sinh thi KHKT cấp tỉnh: 02 em đạt giải Tư.
- + Học sinh thi Khởi nghiệp cấp tỉnh: 03 em đạt giải khuyến khích

1.2. Phụ đạo học sinh yếu kém

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học 3 môn Toán, Văn, Anh cho 4 khối lớp. Chất lượng học sinh đại trà duy trì ổn định.

- Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua kỳ khảo sát chất lượng cuối năm của Phòng giáo dục.

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

2.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Triển khai Công văn của sở GDĐT Ninh Bình về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường năm học 2025-2026.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Ninh Bình nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm

tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra 1 tiết, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi

mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức

tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép

nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

* Những tồn tại hạn chế: Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung.

2.2. Công tác giáo dục STEM

* Công tác chỉ đạo.

- Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

- Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

3. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

* Công tác chỉ đạo.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HDGDNGLL, tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai...

*Kết quả đã đạt: Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

*Những tồn tại hạn chế: Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong VĐ nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn hiện tượng HS đi xe điện tùy tiện.

5. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

* Công tác chỉ đạo.

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

* Kết quả đã đạt: Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết L9 có thể tham gia lao động sản xuất.

* Những tồn tại hạn chế: Việc tuyên truyền ND này còn chưa sâu rộng. ND dạy còn chưa đa dạng.

6. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

* Công tác chỉ đạo.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

* Kết quả đã đạt: Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

* Những tồn tại hạn chế: Do tình trạng thiếu giáo viên nên công việc còn chông chéo, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường THCS Trung Lương, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã Bình An
- CB,GV,Nv nhà trường;
- Website của trường
- Lưu: VP,

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Văn Linh